ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại các huyện, thành phố giai đoạn 2022-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày ...../..../ 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể"; Kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) trên địa bàn tỉnh những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đã xuất hiện thêm nhiều loại hình, mô hình KTTT, HTX hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho các thành viên, góp phần đảm bảo an sinh, an ninh, trật tự an toàn xã hội, từng bước khẳng định vai trò nền tảng của khu vực KTTT, HTX trong nền kinh tế quốc dân và dần trở thành nhân tố quan trọng trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế HTX của tỉnh đã tạo việc làm cho trên 8.000 thành viên, người lao động và có tác động đến hơn 50 ngàn người dân nơi các HTX hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm gần đây, HTX đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới; có 31 HTX sản xuất 62 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao,.... đã hình thành các mô hình liên doanh, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp như: cây ăn quả (Chanh leo, dứa, xoài, nhãn, chuối), cá lòng hồ thủy điện, sản phẩm dược liệu, gạo đặc sản, chè, mật ong, sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm...

Tuy nhiên, KTTT, HTX của tỉnh Lai Châu còn nhiều hạn chế, khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đó là:

quy mô hoạt động nhỏ, công nghệ lạc hậu; hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý HTX, tay nghề của thành viên, người lao động trong các HTX một số vẫn còn hạn chế, nhiều HTX còn thiếu vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc liên kết, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm đã được hình thành ở một số nơi song chưa nhiều, hiệu quả chưa cao. Chưa có nhiều mô hình liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị hiệu quả và bền vững để nhân rộng. KTTT, HTX chưa thực sự là hạt nhân để thúc đẩy kinh tế tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình cùng phát triển.

Ngày 25/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Trong đó giao UBND cấp tỉnh ban hành đề án về xây dựng, tổng kết mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên doanh, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gắn với chuỗi giá trị sản phẩm.

Do vậy, việc ban hành và thực hiện đề án: Hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại các huyện, thành phố giai đoạn 2022-2025 là cần thiết nhằm thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp tỉnh đã ban hành, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, kinh tế tập thể phát triển hiệu quả và bền vững.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Kết luận số 70-KL/TW, ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 134/NQ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Quyết định số 340/QĐ-TTg, ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030;

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 13/2019/NQ-HĐND, ngày 23/7/2020 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021

của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Đề án được xây dựng trên cơ sở những vấn đề thực tế đã và đang đặt ra đối với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, đó là:

Để HTX tồn tại và phát triển thì mỗi HTX phải có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả; sản phẩm hàng hóa đó phải đứng vững trên thương trường tạo điều kiện cho HTX có doanh thu, thu nhập tốt. Sản phẩm hàng hóa chỉ đứng vững trên thương trường khi nằm trong một chuỗi giá trị hiệu quả từ sản xuất – xây dựng thương hiệu - thương mại hóa sản phẩm.

Nhiều HTX trên địa bàn tỉnh đã hình thành liên kết theo chuỗi giá trị song chuỗi giá trị còn chưa kép kín, tính bền vững chưa cao. Việc hỗ trợ các HTX bằng những chính sách của tỉnh sẽ có tác động tích cực giúp các HTX củng cố phát triển liên kết theo chuỗi giá trị hiệu quả.

Mỗi huyện, thành phố trong tỉnh rất cần thiết phải xây dựng những HTX điển hình về hoạt động liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hiệu quả, là mô hình để các hợp tác xã khác học tập, là động lực để khởi nghiệp các hợp tác xã thành lập mới và thúc đẩy kinh tế tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình cùng phát triển.

Phần II

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC HỢP TÁC XÃ LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

I. TÌNH HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA HTX

1. Chính sách liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Chính sách của Trung ương: Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Chỉ thị số 1965/CT-BNN-TT, ngày 13/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo mô hình "Cánh đồng mẫu lớn";

- Chính sách của tỉnh: Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn số 783/HD-SNN, ngày 27/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND, ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định phân cấp cho UBND huyện, thành phố phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Kết quả triển khai chính sách liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

2.1. Số lượng đơn vị được hỗ trợ:

- Liên minh HTX Việt Nam hỗ trợ 06 HTX xây dựng mô hình HTX sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi giá trị (HTX Tiến Đạt, HTX Nông nghiệp vùng cao Phong Thổ, HTX Biên Cương - huyện Phong Thổ, HTX Thanh niên Thẩm Phé, HTX Thanh Xuân - huyện Than Uyên, HTX Đằng Giang - huyện Nậm Nhùn).

- Tỉnh phê duyệt hỗ trợ 02 dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ quả Chanh leo và cây Actiso (theo Quyết định số 1873/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 và Quyết định số 1874/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh) .

2.2. Loại hình: sản xuất, chế biến trong lĩnh vực trồng trọt (03 đơn vị, 01 Công ty, 02 HTX); sản xuất, chế biến trong lĩnh vực chăn nuôi (01 HTX); sản xuất, chế biến trong lĩnh vực thủy sản (03 HTX).

2.3. Kinh phí: Nguồn kinh phí xây dựng mô hình liên kết 40.548 triệu đồng, trong đó: Vốn đối ứng của các bên tham gia liên kết 26.587 triệu đồng, Ngân sách nhà nước hỗ trợ giai đoạn 2020-2022 là 13.961 triệu đồng. Mô hình liên kết theo chương trình của Liên minh HTX Việt Nam tổng kinh phí 3.600 triệu đồng, trong đó Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 1.785 triệu đồng, vốn đối ứng của các HTX là 1.815 triệu đồng.

II. LỰA CHỌN HTX XÂY DỰNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Tiêu chí lựa chọn hợp tác xã

Lựa chọn các đơn vị để xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị là các hợp tác xã đang hoạt động theo Luật HTX năm 2012; sản phẩm chính trong lĩnh vực nông nghiệp, đã có hoặc đang hình thành hoạt động liên kết và định hướng thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Đảm bảo liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm dựa trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng cơ giới hóa trong sản xuất, chế biến. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chứng nhận nhãn hiệu xuất sứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình HTX liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị phải nằm trong chính sách tỉnh đã ban hành, phù hợp với các định mức quy định hiện hành, đơn giá, khối lượng do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương; nguồn vốn được cân đối và được phân bổ trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

- Các đơn vị thực hiện đề án phải thực hiện đầy đủ các cam kết đã đăng ký, nếu không thực hiện đúng thì phải bồi hoàn kinh phí đã hỗ trợ. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ được xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và phải thể hiện qua hợp đồng liên kết giữa các bên liên quan trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Các nội dung, định mức hỗ trợ phải được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều kiện hỗ trợ

- Hợp tác xã đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển các sản phẩm hàng hóa gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Có hợp đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm với các tổ chức, doanh nghiệp, HTX trong và ngoài tỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có lãi liên tục (tối thiểu là năm được hỗ trợ).

- Chấp hành pháp luật nhà nước quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... thực hiện tốt công tác cung cấp thông tin, chế độ báo cáo, tình hình triển khai thực hiện chuỗi liên kết với các cơ quan nhà nước liên quan.

4. Lựa chọn mô hình

Trên cơ sở điều tra, khảo sát nắm tình hình hoạt động sản xuất, chế biến và tiềm năng, kế hoạch phát triển tại một số HTX và văn bản đề xuất, giới thiệu của UBND các huyện, thành phố, đề án lựa chọn 11 HTX để hỗ trợ xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn các huyện, thành phố, bao gồm các HTX sau:

- HTX Dương Yến, huyện Phong Thổ.

- HTX Việt Trung, huyện Phong Thổ.

- HTX Ong Vàng, huyện Tam Đường.

- HTX Nông sản dược liệu cao nguyên Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ.

- HTX Công nghệ và Môi trường, huyện Tân Uyên.

- HTX Nông sản sạch T&D, thành phố Lai Châu.

- HTX Thanh Nga, huyện Mường Tè.

- HTX Ứng Thìn huyện Mường Tè.

- HTX Nông nghiệp, Xây dựng và Thương mại, huyện Nậm Nhùn.

- Liên hiệp HTX nuôi trồng thủy sản huyện Nậm Nhùn.

- HTX Nông lâm Thủy sản Dũng Hà, huyện Than Uyên.

III. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC LỰA CHỌN XÂY DỰNG MÔ HÌNH

1. Tình hình hoạt động của các HTX tham gia xây dựng mô hình

- Các hợp tác xã được UBND các huyện, thành phố khảo sát, đề xuất xây dựng mô hình đều đảm bảo tính pháp lý, được cấp có thẩm quyền cấp giấy đăng ký HTX, mã số thuế theo quy định. Ngành nghề sản xuất kinh doanh tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp như: Nuôi trồng thủy sản (cá nước lạnh, cá lòng hồ); Chăn nuôi gia súc, nuôi ong; trồng cây ăn quả; sản xuất dược liệu, sản xuất các sản phẩm đặc thù, thế mạnh của địa phương (ớt Trung đoàn)...

- Tổng vốn đăng ký kinh doanh là; Doanh thu của HTX xây dựng mô hình đạt gần 50 tỷ đồng (bình quân đạt 4,5 tỷ đồng/HTX, lợi nhuận đạt trên 6 tỷ đồng. Thu hút 91 thành viên và 182 lao động với thu nhập bình quân đạt 6,5-7 triệu đồng/người/tháng; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với trên 400 tổ chức kinh tế và các hộ nông dân;

- Tổ chức bộ máy: hầu hết các đơn vị áp dụng mô hình vừa quản lý vừa điều hành. Về trình độ của cán bộ chủ chốt trong HTX: trình độ Đại học, trên Đại học có 8 người; trình độ Trung cấp, Cao đẳng có 11 người.

(Có biểu thực trạng hoạt động của các HTX kèm theo)

2. Sản phẩm xây dựng mô hình HTX theo chuỗi liên kết:

- HTX Dương Yến, huyện Phong Thổ: các sản phẩm được sản xuất, chế biến từ cá nước lạnh.

- HTX Việt Trung, huyện Phong Thổ: xuất khẩu chuối tươi, chế biến các sản phẩm từ chuối (chuối sấy khô; sợi chuối; rượu chuối; phân vi sinh từ phẩm phẩm chuối,...).

- HTX Ong Vàng, huyện Tam Đường: các sản phẩm từ mật ong

- HTX Nông sản dược liệu cao nguyên Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ: sản phẩm từ cây Atiso (cao, hoa trà,..).

- HTX Công nghệ và Môi trường, huyện Tân Uyên: sản phẩm Gạo đặc sản của địa phương (Séng cù; Khẩu ký; Khẩu hốc; Nếp Tan Co giàng,...).

- HTX Nông sản sạch T&D, thành phố Lai Châu: các sản phẩm cây ăn quả (Bưởi Da xanh; Ổi không hạt,...).

- HTX Thanh Nga, huyện Mường Tè: sản phẩm gia vị đặc sản địa phương (Thảo quả; Ớt Trung đoàn,...)

- HTX Ứng Thìn huyện Mường Tè: lợn bản địa và các sản phẩm chế biến từ thịt lợn.

- HTX Nông nghiệp, Xây dựng và Thương mại, huyện Nậm Nhùn: sản phẩm từ mật ong.

- Liên hiệp HTX nuôi trồng thủy sản huyện Nậm Nhùn: cá (lòng hồ thủy điện) thương phẩm và các sản phẩm chế biến từ cá.

- HTX Nông lâm Thủy sản Dũng Hà, huyện Than Uyên: cá thương phẩm (lòng hồ thủy điện) và các sản phẩm chế biến từ cá.

3. Mặt được, cơ hội phát triển

Các hợp tác xã được lựa chọn có đội ngũ quản lý tâm huyết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, khát khao đổi mới, có định hướng rõ ràng trong việc xây dựng và phát triển sản phẩm hàng hóa, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Dư địa về đất đai, mặt nước, nguồn nhân lực lao động tại địa phương để phát triển còn lớn.

Cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh rất thuận lợi và ưu đãi đối với HTX trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: hỗ trợ: hạ tầng, vật tư đầu vào, xây dựng thương hiệu, vận chuyển, đổi mới ứng dụng khoa học, công nghệ…

Giao thông kết nối giữa các địa phương trong tỉnh với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước ngày càng thuận lợi. Cửa khẩu Ma Lu Thàng là lợi thế của tỉnh để hàng hóa nông sản tiếp cận với thị trường Trung Quốc rộng lớn. Thương mại điện tử là điều kiện thuận lợi cho các HTX phát triển đa dạng các kênh tiêu thụ sản phẩm.

4. Hạn chế, thách thức

Quy mô sản xuất nhỏ, doanh thu thấp; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế;

Việc tích tụ đất đai để mở rộng quy mô sản xuất gặp nhiều khó khăn cho lên số lượng sản phẩm hàng hóa ít, không đáp ứng được yêu cầu của đối tác liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Năng lực tài chính hạn chế khó khăn trong việc thực hiện phương án sản xuất cũng như liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Dịch bệnh Covid -19 trên người có thể kéo dài làm hạn chế việc mở rộng sản xuất và thị trường. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi phát sinh có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

Việc thực hiện quy trình sản xuất thiếu đồng bộ, không đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa, không xây dựng được nhãn hiệu khó khăn tiếp cận thị trường.

5. Nguyên nhân hạn chế

5.1. Nguyên nhân khách quan

Là tỉnh miền núi, vùng cao biên giới; cách xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước do đó đi lại, vận chuyển khó khăn, chi phí sản xuất lớn dẫn đến giá thành sản phẩm cao nên sức cạnh tranh thấp so với sản phẩm cùng chủng loại của các địa phương khác.

Điều kiện khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lũ, dịch bệnh thường xuyên xảy ra gây ảnh hưởng đến sản xuất và hạ tầng cơ sở sản xuất, tác động đến chuỗi cung ứng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, diện tích có khả năng canh tác nhỏ, manh mún; hạ tầng cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới dẫn đến việc đưa cơ giới vào sản xuất gặp nhiều khó khăn.

5.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc tổ chức sản xuất của nhiều HTX còn thụ động, chưa quan tâm và mạnh dạn tìm kiếm đối tác liên kết theo chuỗi giá trị. Mẫu mã, chất lượng, chủng loại sản phẩm chậm đổi mới theo yêu cầu của thị trường. Tài sản thế chấp giá trị thấp lên việc tiếp cận nguồn vốn vay gặp nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật cũng như thông tin, kiến thức khoa học, kỹ thuật về sản xuất đến hộ nông dân, HTX chưa được thực hiện thường xuyên, sâu rộng; cách thức tuyên truyền còn chưa sáng tạo, đổi mới.

Phần III

NỘI DUNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH HTX HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ, LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM THEO CHUỖI GIÁ TRỊ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của tỉnh để xây dựng điểm các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong tỉnh sản xuất ra sản phẩm hàng hóa hiệu quả và bền vững, từng bước nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới, hoạt động hiệu quả thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng 11 mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- 100% sản phẩm của các HTX xây dựng mô hình theo chuỗi giá trị đều có nhãn hiệu, kiểm định chất lượng; kiểm soát được nguồn gốc, chất lượng và được sơ chế, chế biến bằng công nghệ mới.

- 100% nguyên liệu đầu vào của sản phẩm đều có hợp đồng liên kết, thu mua với các hộ nông dân, thành viên HTX. Có hợp đồng liên kết, sản xuất tiêu thụ sản phẩm hàng hóa giữa HTX với các đại lý, doanh nghiệp hoặc siêu thị bao tiêu sản phẩm. Phấn đấu đến năm 2025, trên 70% sản phẩm được ký kết hợp đồng liên kết, bao tiêu sản phẩm, tiến tới sản xuất theo đơn đặt hàng.

II. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH HTX LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức trong các HTX liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị

Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX, thành viên HTX và hộ nông dân, hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh; tham quan học tập các mô hình kinh tế hợp tác có hiệu quả trong cùng lĩnh vực. Tổ chức hội thảo trao đổi, giới thiệu các mô hình hiệu quả để học tập, nhân rộng.

2. Xây dựng mô hình HTX liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị

2.1. Hoạt động cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào:

HTX ký kết hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào như giống, vật tư, kỹ thuật, ... cung cấp cho thành viên HTX và người dân trong vùng sản xuất.

Đầu tư, mở rộng vùng sản xuất nguyên liệu hiện có theo hướng hàng hóa tập trung; khuyến khích đầu tư sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao và tổ chức sản xuất từng loại sản phẩm theo kế hoạch thông qua hợp đồng liên kết giữa HTX với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Tổ chức thực hiện quy trình sản xuất, xây dựng thương hiệu:

Đầu tư xây dựng nhà nhà xưởng chế biến, đóng gói; trang thiết bị máy móc chế biến sản phẩm, hệ thống kho bảo quản sản phẩm; nâng cấp, mua sắm phương tiện vận chuyển.

Ứng dụng, xây dựng và tổ chức sản xuất theo quy trình đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành (sơ chế - chế biến – đóng gói – bao bì – nhãn mác).

Đăng ký nhãn hiệu; mã số, mã vạch; truy xuất nguồn gốc sản phẩm; bộ nhận diện thương hiệu; công bố chỉ tiêu chất lượng sản phẩm; bảo hộ sở hữu trí tuệ để xây dựng thương hiệu sản phẩm an toàn, theo chuỗi giá trị;

2.3. Marketing, xây dựng các kênh bán hàng, hoạt động Logistics đầu ra

Xây dựng các cơ sở, cửa hàng giới thiệu, kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm tại các trung tâm thị trấn, thành phố trong tỉnh; Hỗ trợ kết nối, xây dựng hợp đồng, mạng lưới tiêu thụ với các hệ thống siêu thị, đơn vị phân phối tại các thành phố, trung tâm kinh tế các tỉnh Miền Bắc; tham gia hội chợ quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm trong và ngoài tỉnh; xây dựng và quản lý website để tiếp nhận và xử lý thông tin mua bán, thực hiện thương mại điện tử; bổ sung các biển

hiệu, pano, tờ rơi giới thiệu, quảng bá nguồn gốc xuất xứ sản phẩm; đưa sản phẩm đảm bảo chất lượng lên các sàn thương mại điện tử.

2.4. Hoạt động sau bán hàng

Thu thập, nắm ý kiến phản hồi của khách hàng, đối tác thương mại; kịp thời điều chỉnh quy trình sản xuất sản phẩm để hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm.

3. Tổng kết, đánh giá nhân rộng các mô hình liên kết hiệu quả

Sau tổng kết đề án, đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình HTX kiểu mới, hoạt động hiệu quả, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh trong 05 năm tiếp theo (2026 – 2030); đánh giá hiệu quả chính sách đối với khu vực kinh tế HTX.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Hỗ trợ chi phí tư vấn để xây dựng 10 mô hình liên kết của các Hợp tác xã để trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định (bao gồm: Tư vấn nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường); không hỗ trợ 01 mô hình liên kết (HTX công nghệ Môi trường) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình; áp dụng theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tổ chức 33 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 11 Hợp tác xã (dự toán 50 triệu đồng/01lớp). Nội dung: Tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý HTX, thành viên, người lao động trong các HTX tham gia đề án và các HTX, hộ nông dân có liên quan về quản lý, cơ chế chính sách, quy trình triển khai để đảm bảo đề án được thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả cao.

Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Thông tư 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị

- Hỗ trợ xây dựng hạ tầng cho 09 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn các huyện, thành phố (không hỗ trợ 02 mô hinh liên kết nuôi ong).

+ Các nội dung hỗ trợ gồm: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một lần 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức không quá 10 tỷ đồng/dự án

+ Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng xây dựng mô hình khuyến nông, hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho 08 mô hình liên kết (không hỗ trợ 02 mô hình liên kết nuôi ong và 01 mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả). Mức hỗ trợ cụ thể theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mô hình trình diễn cây trồng hàng năm được hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/mô hình; Mô hình trình diễn cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và cây lâm nghiệp được hỗ trợ tối đa 600 triệu đồng/mô hình; Mô hình trình diễn chăn nuôi được hỗ trợ tối đa 700 triệu đồng/mô hình; Mô hình trình diễn nuôi trồng thuỷ sản được hỗ trợ tối đa 800 triệu đồng/mô hình; áp dụng theo quy định tai Khoản 6, Điều 1, Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ một lần chi phí ban đầu cho 02 mô hình liên kết nuôi ong. Nội dung hỗ trợ bao gồm: Thùng ong, cầu ong, ong giống. Mức hỗ trợ 700.000 đồng/thùng nhưng không quá 300 thùng/1 cơ sở; áp dụng theo quy định tại Mục 5.9, Khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ một lần chuồng trại chăn nuôi, hầm bioga và đệm lót sinh học cho 01 mô hình liên kết. Mức hỗ trợ cụ thể theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Hỗ trợ một lần chi phí xây dựng chuồng trại mức hỗ trợ 600.000đồng/m^2 nhưng tối đa không quá 800m^2/01 HTX; Hỗ trợ một lần chi phí xây dựng lắp đặt mới hầm bioga để xử lý chất thải chăn nuôi, mức hỗ trợ 1.400.000 đồng/m^3, nhưng tối đa không quá 150m^3; áp dung theo quy định tại Mục 5.6 và mục 5.7, Khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một lần 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi cho 11 mô hình liên kết. Mức hỗ trợ theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 300 triệu đồng/01 dự án; áp dụng theo quy định Khoản 7, Điều 1, Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ chi phí thuê, xây dựng cửa hàng (điểm) giới thiệu, bán sản phẩm OCOP của tỉnh cho 10 mô hình liên kết: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí xây dựng hoặc thuê điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/cơ sở tại trung tâm huyện, thành phố của tỉnh; không quá 50 triệu đồng/cơ sở tại các điểm du lịch, dịch vụ tại các xã; không quá 200 triệu đồng/cơ sở ở ngoại tỉnh; áp dụng theo quy định tại điểm đ Mục 5.11, Khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN

1. Kinh phí thực hiện đề án

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án là: 82.676 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách tỉnh (lồng ghép thực hiện nguồn vốn của các Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/202) và nguồn vốn đối ứng của các hợp tác xã. Trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 31.156 triệu đồng (gồm: Nguồn vốn thực hiện Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 là: 29.046 triệu đồng; Nguồn vốn thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 là 2.110 triệu đồng).

+ Nguồn vốn đối ứng của HTX thực hiện đề án: 51.520 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu 05a; 05b kèm theo)

2. Phân kỳ đầu tư, hỗ trợ

- Năm 2022: Kinh phí thực hiện đề án là 34.415 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 13.165 triệu đồng *(theo Nghị quyết số 13 là 12.055 triệu đồng; Nghị quyết số 07 là 1.110 triệu đồng)*; vốn đối ứng của HTX là 21.250 triệu đồng.

- Năm 2023: Kinh phí thực hiện đề án là 32.612 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 11.742 triệu đồng *(theo Nghị quyết số 13 là 11.642 triệu đồng; theo Nghị quyết số 07 là 100 triệu đồng)*; vốn đối ứng của HTX 20.870 triệu đồng.

- Năm 2024: Kinh phí thực hiện đề án là 14.500 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 6.100 triệu đồng *(theo Nghị quyết số 13 là 5.200 triệu đồng; theo Nghị quyết số 07 là 900 triệu đồng)*; vốn đối ứng của HTX 8.400 triệu đồng.

- Năm 2025: Kinh phí thực hiện đề án 1.150 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 150 triệu đồng *(theo Nghị quyết số 13 là 150 triệu đồng)*; vốn đối ứng của HTX 1.000 triệu đồng.

3. Thời gian thực hiện: Đề án được tổ chức triển khai thực hiện từ năm 2022 và kết thúc vào cuối năm 2025.

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp về thông tin tuyên truyền:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến các tầng lớp nhân dân về lợi ích, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; cách thức, điều kiện để tham gia liên kết; tuyên truyền, giới thiệu các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gắn với chuỗi giá trị.

- Vận động đông đảo nông dân tham gia chuỗi liên kết theo từng khâu (từ cung ứng vật tư đầu vào đến sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật) nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn và có tính cạnh tranh cao.

2. Giải pháp về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài, đảm bảo chất lượng. Ký kết hợp đồng liên kết giữa HTX với thành viên và các hộ nông dân tham gia chuỗi giá trị.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất, chế biến sản phẩm theo tiêu chuẩn Vietgap; có sự kiểm tra giám sát để đảm bảo chất lượng, thương hiệu, bình đẳng cùng có lợi. Tổ chức sản xuất ổn định trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, giá thành cạnh tranh thông qua mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết, trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, siêu thị, các tổ chức kinh tế để xác định được số lượng, chất lượng của sản phẩm theo yêu cầu của thị trường.

3. Giải pháp về tăng cường năng lực quản lý nhà nước

- Xây dựng kế hoạch, thực hiện tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác; thường xuyên chỉ đạo, định hướng phát triển, kiểm tra, giám sát, theo dõi, hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn.

- Quản lý có hiệu quả công tác hỗ trợ phát triển sản xuất theo các hình thức hợp tác, liên kết hình thành chuỗi giá trị có khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Thực hiện tốt kiểm tra, quản lý giám sát tại các HTX được lựa chọn tham gia mô hình thực hiện theo đúng quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường. Định kỳ tiến hành tổ chức hướng dẫn, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường, về sinh an toàn thực phẩm.

4. Giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ, đất đai

- Hỗ trợ áp dụng đồng bộ các giải pháp, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến, quản lý chất lượng đến bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm; áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt Vietgap.

- Chú trọng áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt trong quảng bá, thông tin, giới thiệu sản phẩm; ứng dụng bán hàng qua các chợ online, sàn thương mại điện tử,...

- Tạo điều kiện cho các HTX thực hiện đề án được thuê đất để đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở; nhà xưởng sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm.

5. Về thị trường, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm:

- Tổ chức giới thiệu tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu cách nhận biết các sản phẩm và địa chỉ các địa điểm tiêu thụ trên các phương tiện truyền thông, hội chợ, trên website, tờ rơi, biển quảng cáo..... Hình thành, mở rộng mạng lưới kinh doanh sản phẩm đặc trưng, OCOP của địa phương ở trung tâm các huyện, thành phố.

- Hình thành các kênh tiêu thụ chủ lực, với sự tham gia, liên kết của các doanh nghiệp nòng cốt với hệ thống chợ đầu mối siêu thị, cửa hàng tiện lợi, hệ thống thu mua, phân phối hàng hóa. Liên kết tiêu thụ với các đầu mối, đơn vị thành viên của Liên minh HTX Việt Nam như: SaiGon.Coop; Trung tâm xúc tiến thương mại; Trung tâm giới thiệu bán sản phẩm, kết nối cung cầu trực thuộc Liên minh HTX các tỉnh,...

6. Giải pháp về nguồn vốn

- Cân đối, bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh số: 13/2019/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22/03/2021 quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa

tập trung giai đoạn 2021 - 2025; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của Liên minh HTX Việt Nam và nguồn vốn đối ứng của các HTX tham gia thực hiện đề án.

- Nguồn kinh phí được cấp bổ sung vốn Điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển tỉnh; nguồn tín dụng ưu đãi của các hộ nông dân và các HTX, THT khi tham gia vào các hình thức liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị.

VI. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

- Xây dựng được nhãn hiệu cho 100% sản phẩm (của 11 mô hình) đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng cung cấp cho thị trường; Bình quân hằng năm doanh thu của các HTX tham gia mô hình đạt gần 9,0 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 1,0 tỷ đồng; thu nhập của lao động đạt trên 10 triệu đồng/người/năm.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến góp phần giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tạo ra được các sản phẩm đặc trưng, có lợi thế của tỉnh, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho HTX; việc làm và thu nhập ổn định cho thành viên và các hộ nông dân tham gia chuỗi liên kết.

- Xây dựng được các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gắn với chuỗi giá trị hoạt động ổn định, bền vững và hiệu quả.

2. Hiệu quả xã hội

- Tạo việc làm thường xuyên, ổn định cho 500 lao động; gián tiếp tạo việc làm (thông qua hợp đồng liên kết) cho trên 500 hộ nông dân và 21 cơ sở kinh tế. Thu hút 11 lao động có trình độ chuyên môn làm việc tại HTX. Trên 1.000 lượt cán bộ quản lý, thành viên, người lao động của HTX và hộ nông dân được tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình sản xuất theo chuỗi.

- Góp phần thay đổi cơ cấu ngành nghề nông thôn, tạo ra nhiều việc làm ổn định, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tạo tiền đề cho việc ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất; góp phần nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý, thay đổi tập quán sản xuất, tiêu thụ tự phát sang sản xuất hàng hóa.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, đào tạo, hỗ trợ cho hợp tác xã, liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng chuỗi cửa hàng trưng bày, giới thiệu kết nối tiêu thu sản phẩm. Hướng dẫn cho các HTX thực hiện Đề án, tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tranh thủ sự quan tâm của Liên minh HTX Việt Nam về quảng cáo và giới thiệu sản phẩm; kết nối tiêu thụ sản phẩm với thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án; tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung đề án khi cần thiết.

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện đề án; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết rút ra các bài học kinh nghiệm để nhân rộng mô hình.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện đề án. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn thành lập mới HTX, THT trong lĩnh vực nông nghiệp; phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, các HTX thực hiện đề án về kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt bảo quản, chế biến theo quy định.

- Chủ trì triển khai thực hiện các mô hình khuyến nông tại các HTX được phê duyệt tại đề án. Phối hợp tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá hiệu quả của đề án và tác động của đề án trong việc thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trong đề án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện đề án.

4. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình tỉnh cân đối bố trí nguồn vốn hàng năm để thực hiện Đề án trong giai đoạn 2022 - 2025 theo đúng nội dung và phân kỳ đầu tư được phê duyệt.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thành phố tiến hành xem xét

cho các HTX thuê đất theo quy định hiện hành. Hướng dẫn tạo điều, tháo gỡ những khó khăn, đề xuất những giải pháp đảm bảo việc sử dụng đất, thuê đất của HTX theo đúng quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

6. Sở Khoa học - Công nghệ

Chủ trì, triển khai hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất - bảo quản - chế biến nông lâm sản; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thúc đẩy HTX sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; ứng dụng công nghệ cao; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nâng cao giá trị hàng hóa các sản phẩm theo chuỗi của tỉnh.

7. Sở Công Thương: Cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm để các hợp tác xã có kế hoạch tổ chức sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; chủ trì thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại. Đề xuất bố trí kinh phí từ quỹ khuyến công để hỗ trợ các đơn vị thực hiện dự án.

8. Cục Quản lý thị trường tỉnh: Tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; xử lý nghiêm đúng pháp luật các trường hợp sản xuất tiêu thụ hàng giả, hàng nhái nhãn mác, nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ với sản phẩm cùng chủng loại trên địa bàn tỉnh.

9. Các sở, ban ngành liên quan: Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh trong tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Đề án có hiệu quả.

10. Các hội, hiệp hội, tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác; bảo vệ lợi ích chính đáng của từng thành viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

11. UBND các huyện, thành phố

- Chủ trì, thẩm định phê duyệt các mô hình liên kết được phê duyệt tại đề án; lập dự toán đề xuất kinh phí xây dựng mô hình trình tỉnh theo quy định.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền mục tiêu, nội dung đề án về: sản xuất theo quy trình kỹ thuật, an toàn có kiểm soát; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu các sản phẩm có tiềm năng tại địa phương.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các HTX, đặc biệt là các HTX thực hiện đề án tháo gỡ những khó khăn đề xuất những giải pháp hỗ trợ để thúc đẩy việc sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức, phối hợp với các ngành liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm khi triển khai đề án trên địa bàn; khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức cá nhân làm tốt.

12. Các HTX, chủ thể tham gia đề án

- Chủ động, nghiêm túc thực hiện các quy định hiện hành khi tham gia các hoạt động của chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong đề án.

- Xây dựng dự án liên kết trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng các quy định về quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm nâng cao trình độ, kiến thức về khoa học, kỹ thuật mới trong sản xuất, chăn nuôi và thông tin thị trường, quản lý kinh tế. Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến để đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, theo đúng thương hiệu, tiêu chuẩn được cấp./.